

Số: 10/2026/QĐST-DS

An Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Ngọc P, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp C, xã U, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1978 và ông Phạm Hữu T1, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: ấp C, xã U, tỉnh An Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên thống nhất:

Nội dung thỏa thuận được: Các bên thống nhất số tiền bà T nợ tiền hụi của bà P số tiền 9.000.000 đồng, nợ tiền vay tổng cộng là 87.000.000 đồng nợ gốc (trong đó 01 hợp đồng cho vay ngày 18/8/2024 là 10.000.000 đồng, 01 hợp đồng cho vay ngày 22/7/2024 là 20.000.000 đồng và 01 biên nhận số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 15/12/2023 âm lịch nhưng các bên thống nhất còn nợ là 68.000.000 đồng). Bị đơn Bà T đồng ý trả tổng số nợ 107.000.000 đồng cho

bà P.

Về phương thức trả:

Các bên không thống về phương thức trả nợ:

+ Lần 01: Vào ngày 18/5/2026 bà T trả nợ cho bà P số tiền 20.000.000 đồng; bà P trả cho bà T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 68001264 tên chủ xe Nguyễn Thị T, biển số đăng ký 68EA-039.90 (bản gốc)

Đối với số tiền còn lại 87.000.000 đồng bà T thỏa thuận trả nợ cho bà P trong thời gian sau:

- + Lần 2: Vào ngày 19/8/2026 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 3: Vào ngày 19/11/2026 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 4: Vào ngày 19/02/2027 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 5: Vào ngày 19/5/2027 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 6: Vào ngày 19/8/2027 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 7: Vào ngày 19/11/2027 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 8: Vào ngày 19/02/2028 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 9: Vào ngày 19/5/2028 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 10: Vào ngày 19/8/2028 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 11: Vào ngày 19/11/2028 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 12: Vào ngày 19/02/2029 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 13: Vào ngày 19/5/2029 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 14: Vào ngày 19/08/2029 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 15: Vào ngày 19/11/2029 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 16: Vào ngày 19/02/2030 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 17: Vào ngày 19/5/2030 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 18: Vào ngày 19/8/2030 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 19: Vào ngày 19/11/2030 trả 4.500.000 đồng
- + Lần 20: Vào ngày 19/02/2031 trả 1.500.000 đồng

Nếu bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ như thỏa thuận thì bà P có quyền yêu cầu thi hành án buộc trả một lần cho toàn bộ số tiền chưa trả.

Kể từ khi bà P có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T không trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí là: $[(107.000.000đ \times 5\%) \times 50\%] = 2.675.000đ$ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Các đương sự thỏa thuận, bị đơn bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí;

Hoàn trả cho bà Tô Ngọc P số tiền tạm ứng án phí 3.200.000 đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 122 ngày 10/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 6 - An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Vĩnh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng

